

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán Châu Á

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

BSR, ACV

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ đối với cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

11/7/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,155.29	-1.37
VN30	1,209.02	-1.83
HĐTL VN30F1M	1,200.70	-1.98
HNXIndex	276.93	-0.31
HNX30	490.72	+0.01
UPCoM	86.25	-0.82
USD/VND	23,341	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.25	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.80	+11
Dầu (WTI, \$)	102.86	-1.84
Vàng (LME, \$)	1,738.78	-0.21

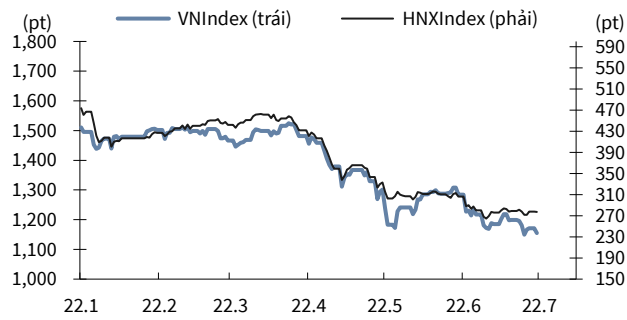


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,155.29 (-1.37%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>538.7 (+32.5%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>490.3 (+9.9%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>276.93 (-0.31%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>58.3 (+13.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>46.8 (+6.3%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>86.25 (-0.82%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>28.1 (-37.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>20.0 (+3.7%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+0.0</b>

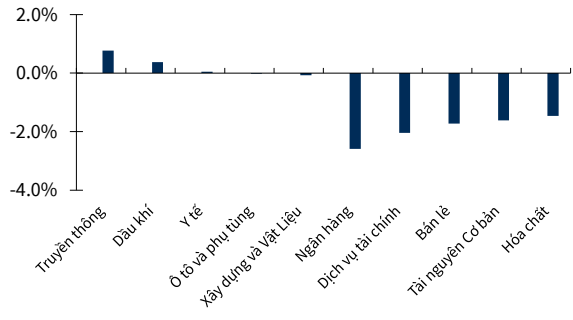
TTCK giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán Châu Á, sau khi Trung Quốc công bố chỉ số CPI tăng 2.5% do giá thịt lợn tăng cao. DKRA Việt Nam cho biết giá bán thứ cấp bất động sản sụt giảm cục bộ ở một số dự án hết chương trình ân hạn nợ gốc, hỗ trợ lãi suất của chủ đầu tư hoặc một số thị trường, phân khúc sản phẩm có tính thanh khoản thấp, mang tính đầu cơ, cổ phiếu ngành bất động sản giảm ở NLG (-1%), KDH (-2.9%). VASEP cho biết giá xăng dầu tăng cao khiến tốc tăng trưởng xuất khẩu thủy sản có thể chậm lại trong 6 tháng cuối năm do nhà máy chế biến hải sản bị giảm 60-90% nguyên liệu thu mua trong nước và không bù đắp được từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu, hàng trăm nhà máy phụ thuộc 100% nguyên liệu trong nước sẽ phải đóng cửa trong 3-6 tháng tới, cổ phiếu ngành thủy sản giảm ở VHC (-6.7%), ANV (-6.9%). Khối ngoại mua ròng ở VNM (+0%), GMD (+0.8%), PNJ (-0.4%).

VNIndex & HNXIndex



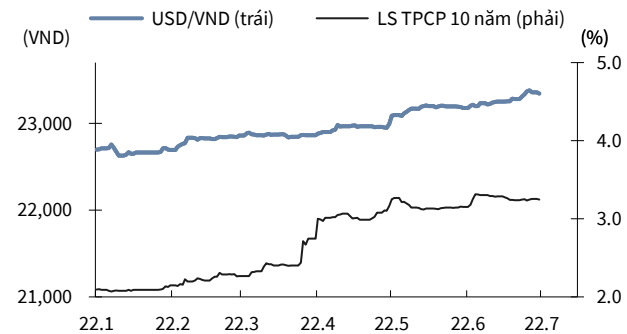
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

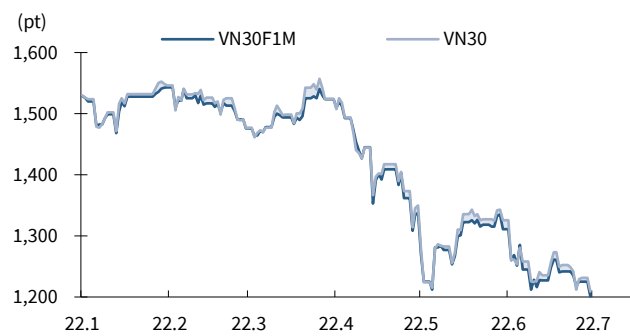
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,209.02 (-1.83%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,200.7 (-1.98%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,221.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,221.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,197.1</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2207 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất ngày -13.74 điểm, sau đó biến động giằng co trong biên độ hẹp -3.88 và 2.96 điểm trước khi giảm mạnh về -8.3 điểm vào cuối phiên. Khối ngoại giao dịch bán ròng với thanh khoản giảm.

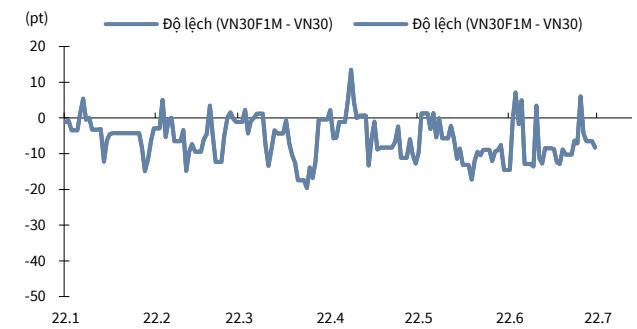
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>236,110 (+11.8%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



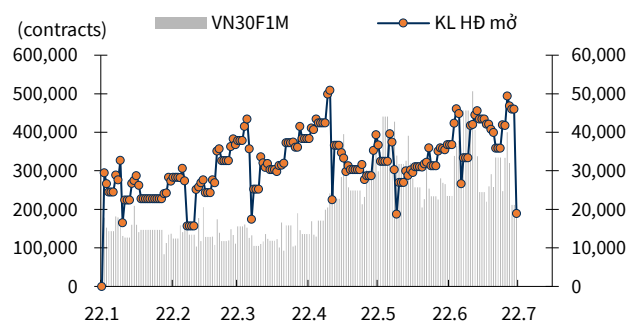
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



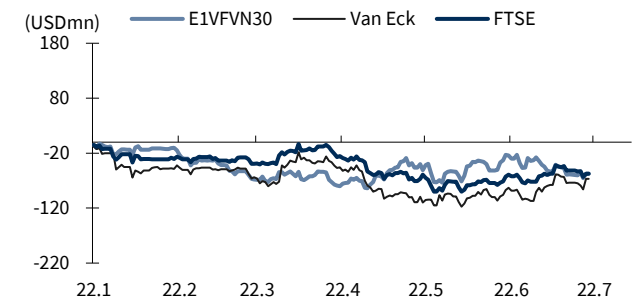
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

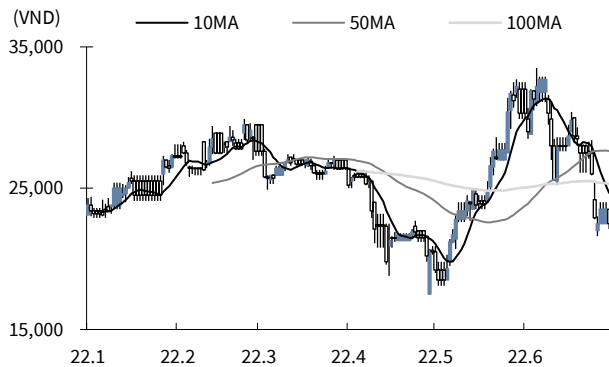
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Lọc - Hóa dầu Bình Sơn (BSR)



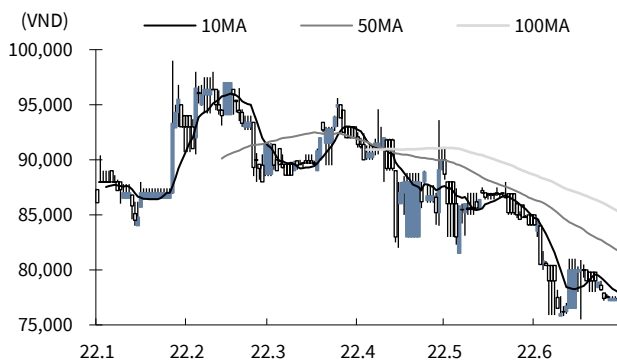
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm 4.26% xuống 22,500 VND/cp

- Lọc Hoá dầu Bình Sơn công bố ước tính kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với doanh thu 87,052 tỷ đồng, tăng 78% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 95% kế hoạch năm nay. Bình Sơn cũng đã sản xuất 3.43 triệu tấn xăng dầu và gần như sản xuất đến đâu được tiêu thụ hết đến đó.

- Bình Sơn đề ra kế hoạch và giải pháp sản xuất kinh doanh cho 6 tháng cuối năm với kịch bản sản xuất kinh doanh theo giá dầu (80-100-110-120 USD/thùng) làm cơ sở điều hành kế hoạch linh hoạt hạn chế ảnh hưởng bất lợi của thị trường.

## Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

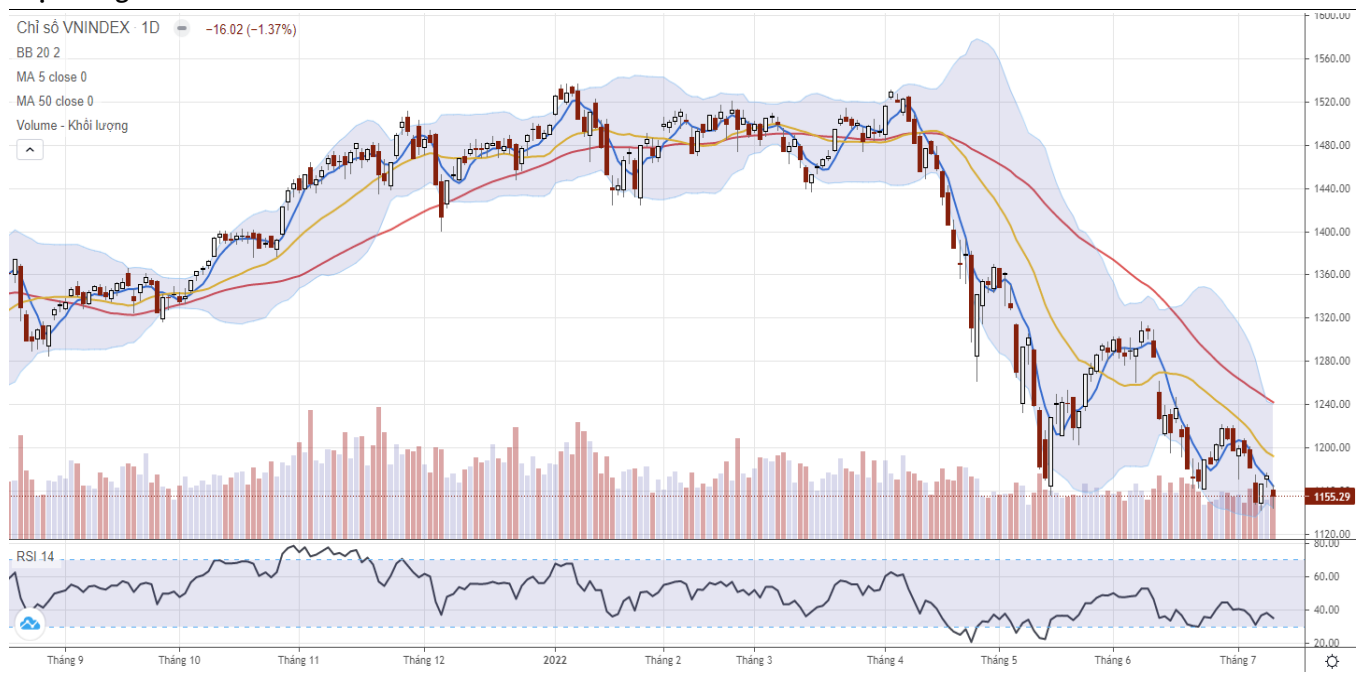
- ACV đóng cửa tại giá tham chiếu 77,400 VND/cp

- Phó Thủ tướng Lê Văn Thành vừa ký Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 8/7/2022 chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi. Nhà đầu tư dự án là Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam với tổng vốn đầu tư là 2,405.4 tỷ đồng. Dự án được thực hiện bằng nguồn vốn góp của ACV, không sử dụng vốn vay. Thời hạn hoạt động dự án là 50 năm.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

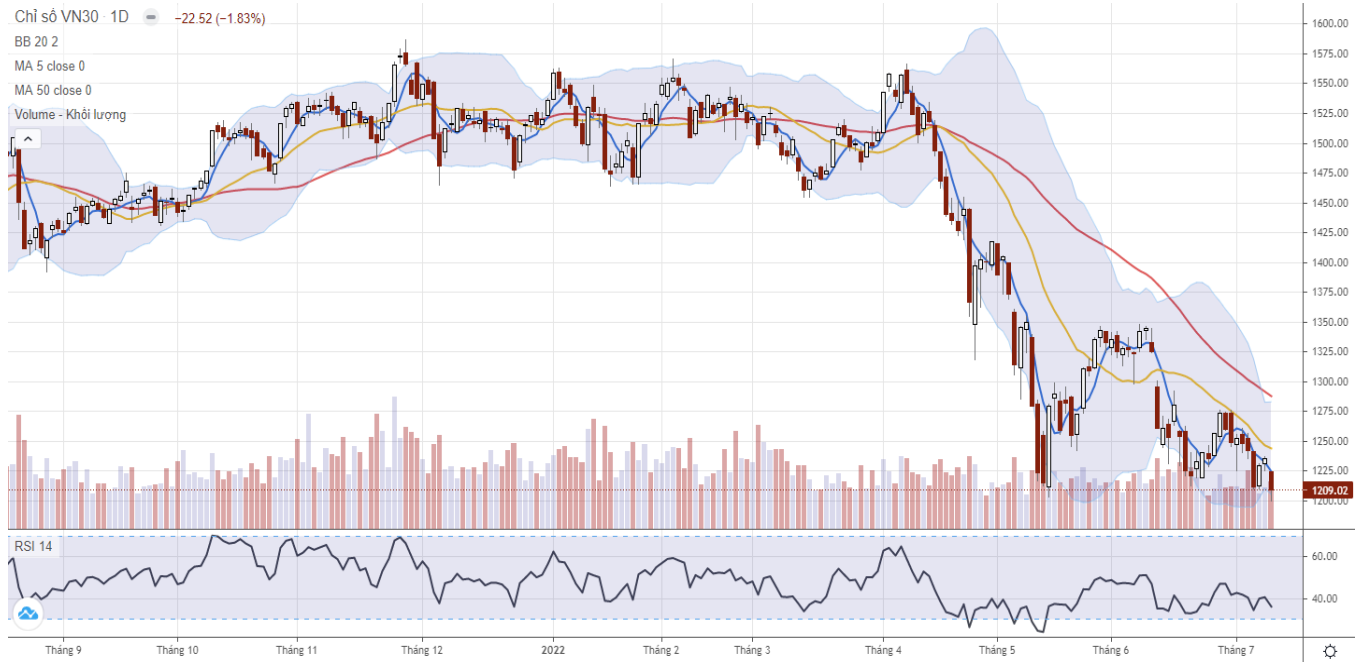
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục và lấy một phần điểm số đã mất vào cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh trong phiên khiến cho chỉ số một lần nữa quay xuống kiểm định lại vùng đáy ngắn hạn quanh 1443-1445. Với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh trong những phiên tới với vùng kháng cự gần tại 1160 (+5) trước khi hình thành một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- NĐT được khuyến nghị chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ đối với cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa:

Kháng cự gần:

Hỗ trợ gần:

Hỗ trợ xa:

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục một phần vào cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh trong phiên khiến cho chỉ số đánh mất vùng đáy ngắn hạn quanh 1204-1210. Với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu áp lực rung lắc trong những phiên tới với vùng kháng cự gần đặt tại 1220 trước khi hình thành một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở một phần vị thế Long tại các vùng hỗ trợ nhưng đặt ngưỡng Stop loss chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

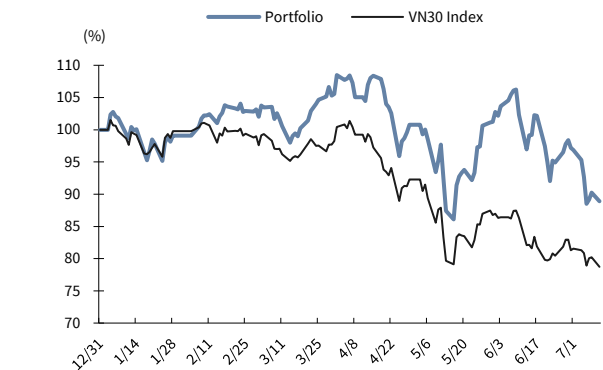
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.83%	-1.48%
Tăng lũy kế (YTD)	-21.27%	-11.10%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/07/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	64,500	-0.8%	67.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	22,500	-4.3%	-21.1%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	115,500	-0.4%	50.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	160,700	-1.4%	-16.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,000	-6.4%	143.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	82,800	-1.0%	241.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,500	-1.5%	34.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,900	-0.7%	29.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,050	-1.8%	98.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	33,200	3.4%	223.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	0.0%	54.4%	53.7
GMD	0.8%	45.5%	26.2
PNJ	-0.4%	49.0%	23.9
MWG	-0.8%	97.4%	20.2
STB	-2.0%	21.8%	17.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	1.2%	34.0%	-37.2
DPM	-0.1%	16.5%	-44.7
VND	-2.7%	17.8%	-1.4
VHM	-0.8%	23.3%	-31.1
VCB	-2.7%	23.5%	-11.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.4%	9.0%	2.0
PVI	-0.7%	58.5%	0.3
PCG	1.4%	42.6%	0.2
SAF	3.0%	3.6%	0.2
SD5	-1.1%	3.6%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-3.6%	3.2%	-2.8
BVS	-4.6%	7.8%	-2.0
NVB	0.0%	12.3%	-0.6
TNG	-4.5%	4.1%	-0.4
BCC	5.2%	1.7%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	0.3%	HSG, TTF
Bảo hiểm	0.0%	BVH, PGI
Y tế	-0.2%	DBD, OPC
Truyền thông	-0.2%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	-0.5%	HVN, SKG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-9.5%	GAS, POW
Hóa chất	-6.7%	GVR, DGC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-6.7%	REE, GMD
Bán lẻ	-6.4%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.2%	PNJ, MSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	4.8%	BVH, PGI
Thực phẩm và đồ uống	1.2%	VNM, HAG
Du lịch và Giải trí	-1.3%	VJC, SKG
Ngân hàng	-1.3%	BID, SSB
Y tế	-3.1%	TNH, OPC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-15.8%	GVR, DGC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-14.6%	GAS, POW
Bán lẻ	-10.6%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-9.9%	REE, GEX
Tài nguyên Cơ bản	-9.5%	VPG, DHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	137,851 (5.9)	22.5	77.6	33.0	14.7	3.5	7.5	2.6	2.4	0.0	-3.7	10.3	-26.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	191,143 (8.2)	26.6	8.2	6.9	35.9	22.8	21.9	1.7	1.4	-0.8	-0.8	11.4	-26.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	54,237 (2.3)	17.8	26.3	17.8	-7.6	7.2	9.8	1.8	1.7	-3.7	-8.8	14.8	-13.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	186,773 (8.0)	31.3	26.2	20.7	6.7	15.1	16.4	3.6	3.1	-0.5	-0.8	-4.7	-19.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	29,709 (1.3)	11.6	18.5	15.1	13.7	12.9	17.2	2.1	1.9	-2.9	-2.2	-6.0	-24.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	157,303 (6.8)	13.9	11.2	11.0	-	13.5	11.6	1.3	1.2	-1.6	3.5	12.4	-40.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	74,989 (3.2)	6.3	12.7	10.6	11.7	21.3	21.8	2.5	2.1	-2.7	-2.8	-7.3	-8.6
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	63,017 (2.7)	12.7	13.7	11.3	-5.3	16.0	17.2	1.8	1.5	-1.4	-1.6	2.1	-7.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	180,987 (7.8)	0.0	5.8	4.9	14.3	20.8	19.8	1.1	0.9	-5.2	-2.1	-6.2	-28.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	100,262 (4.3)	1.4	6.9	5.8	50.3	18.3	20.5	1.1	1.0	-1.5	-4.1	-5.9	-24.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	256,155 (11.0)	0.0	6.7	6.3	18.8	20.3	17.0	1.2	1.0	-3.8	-5.8	11.0	-23.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	228,225 (9.8)	0.0	6.0	4.9	14.6	23.8	22.8	1.2	1.0	-2.6	-0.8	11.3	-15.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	46,182 (2.0)	4.2	6.2	5.2	23.3	22.4	21.2	1.3	1.0	-3.4	-6.7	11.6	-25.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	347,734 (14.9)	14.0	11.1	10.0	26.5	11.6	14.9	1.1	1.0	-2.0	-1.3	0.7	-30.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	57,898 (2.5)	0.0	11.2	6.3	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	-4.1	-4.8	12.5	-36.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	9,966 (0.4)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	-1.6	-5.4	0.8	-9.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	71,357 (3.1)	21.0	17.1	14.0	15.8	9.0	11.9	1.7	1.6	0.0	1.7	1.5	-2.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,516 (0.4)	14.2	13.5	10.9	9.1	13.0	15.2	1.5	1.4	-0.7	-6.5	14.2	-36.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	351,148 (15.1)	55.4	7.5	7.0	-3.2	19.3	16.4	1.2	1.0	1.2	2.2	21.1	-57.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	137,719 (5.9)	71.9	7.8	7.5	-4.0	24.7	20.6	1.6	1.5	-3.8	-2.5	-8.5	-51.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	108,913 (4.7)	52.4	8.0	7.8	-19.0	18.2	15.9	1.3	1.2	-6.8	-1.9	0.7	-50.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	451,997 (19.4)	27.2	7.7	6.5	36.3	25.7	24.3	1.8	1.4	-2.7	-7.0	25.6	-46.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	176,661 (7.6)	42.1	16.7	15.3	4.0	28.3	29.3	4.4	4.2	0.0	-2.8	5.0	-15.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	14,442 (0.6)	36.9	23.2	19.4	7.3	20.0	21.3	4.2	3.8	0.0	1.0	-1.6	2.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	94,808 (4.1)	16.5	22.4	18.0	-51.9	18.2	21.2	3.7	3.0	-2.3	-4.8	12.4	-28.1
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	24,682 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	-3.0	17.9	-57.2	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	81,383 (3.5)	11.0	53.1	18.7	-88.5	8.9	21.6	-	-	-0.3	-1.7	-0.2	-0.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	123,505 (5.3)	10.8	18.0	14.6	-57.0	11.8	13.3	2.0	1.9	0.8	-5.3	12.5	1.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	64,060 (2.8)	38.4	6.4	31.1	65.7	14.1	2.6	0.8	0.9	0.8	11.6	-8.8	-60.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	18,454 (0.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-7.0	-3.9	-6.7	-78.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	185,968 (8.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.1	0.0	14.6	-49.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	26,679 (1.1)	3.6	60.8	16.4	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.5	1.5	13.9	8.1	-43.7
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	125,895 (5.4)	0.0	11.2	9.9	-4.5	15.8	14.1	1.6	1.6	-6.4	15.3	20.1	19.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	150,849 (6.5)	46.1	13.7	13.4	-17.5	23.4	22.0	3.1	2.8	-0.7	-	-	-1.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	72,358 (3.1)	31.4	10.7	10.0	-10.5	15.0	14.8	1.5	1.4	-4.1	10.8	16.2	-15.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,013 (0.1)	34.1	20.8	9.3	-5.1	5.9	12.5	-	-	-0.9	-2.3	-9.7	-28.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	511,245 (22.0)	18.0	4.5	4.5	21.9	27.9	22.9	1.1	0.9	-1.8	0.2	-	-38.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	212,697 (9.1)	36.5	4.5	7.3	-0.5	32.3	19.2	1.3	1.2	-0.1	-6.9	25.6	-7.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	207,252 (8.9)	46.5	5.2	7.5	-4.5	35.7	20.6	1.5	1.4	-3.5	13.6	29.9	-24.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	137,050 (5.9)	38.9	3.7	4.3	67.9	23.1	15.8	0.7	0.6	-2.2	5.3	17.8	-52.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	37,640 (1.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.4	-0.9	11.3	-43.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,306 (1.2)	4.6	18.4	15.0	-51.0	11.0	12.3	1.9	1.8	0.4	-2.1	12.2	-26.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	128,753 (5.5)	39.9	29.0	14.5	-11.9	1.9	4.1	0.6	0.6	0.3	-9.1	31.8	-37.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	61,298 (2.6)	35.9	7.8	7.2	2.2	13.2	13.6	1.1	1.1	-2.4	-9.3	14.9	-22.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	262,434 (11.3)	0.0	16.2	14.3	14.4	26.0	26.0	4.0	3.6	-0.8	-4.9	14.0	-5.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	117,179 (5.0)	0.0	18.3	14.5	2.4	22.8	22.7	3.3	2.7	-0.4	-6.7	-4.3	20.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,888 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.8	3.9	-3.6	-6.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	136,106 (5.9)	30.3	16.0	13.9	-75.2	30.0	27.0	4.2	3.4	-5.8	13.4	24.7	11.5
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,321 (1.3)	34.6	8.8	10.2	41.2	33.0	24.6	2.6	2.3	-1.4	1.3	10.3	-11.9
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	843 (0.0)	45.4	13.9	12.8	10.7	21.3	20.6	2.7	2.4	-1.0	-1.2	-6.2	-22.9
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	163,412 (7.0)	0.0	17.3	14.2	15.5	26.8	28.3	4.3	3.7	-1.0	-4.5	-9.7	6.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng  
huynd@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.